

## CHƯƠNG 2: LẬP DANH

**Luận nói:** Tại sao Sơ địa gọi là hoan hỷ ? Vì mới đắc công năng lợi ích của tự tha.

**Giải thích:** Bồ-tát khi mới đăng địa, thì liền được đầy đủ công năng tự lợi lợi tha, là chỗ chưa đắc trước kia, bây giờ mới đắc, cho nên hoan hỷ (vui mừng). Thanh-văn khi mới chứng chân như thì chỉ đắc công năng tự lợi, không có công năng lợi tha. Thanh-văn cũng có nghĩa hoan hỷ, nhưng không bằng Bồ-tát, chỉ Sơ địa Bồ-tát mới được lập tên hoan hỷ, Sơ quả của Thanh-văn không lập tên này. Lại nữa, pháp xuất thế mà trước kia, bây giờ mới được chứng, thì vô lượng nhân duyên vui mừng rất to lớn, hằng tương tục sinh cho nên gọi là hoan hỷ.

**Luận nói:** Tại sao địa thứ hai gọi là vô cấu? Vì địa này xa lìa sự phạm giới nhỏ Bồ-tát.

**Giải thích:** Bồ-tát trong địa này có tự tánh thanh tịnh giới, không phải như Sơ địa do chỗ đắc của chánh tư lương, cho nên gọi là vô cấu. Lại nữa, trong địa này, đã lìa xa tất cả tội cấu phạm giới vi tế, tự tánh thanh tịnh giới hằng tương tục lưu chuyển cho nên gọi là vô cấu.

**Luận nói:** Tại sao địa thứ ba gọi là minh diệm? Vì không thoái chuyển y chỉ của Tam-ma-đề và Tam-ma-bạt-đề, y chỉ của đại pháp quang minh.

**Giải thích:** Bồ-tát trong địa này, chưa từng lìa Tam-ma-đề và Tam-ma-bạt-đề, vì không thoái chuyển định này, giáo pháp mà Đại thừa nói thì y chỉ vào định này. Đại pháp là Đại thừa pháp, Vô phân biệt trí và Vô phân biệt hậu trí gọi là quang minh. Bồ-tát cũng hằng không lìa trí này. Văn trì (nghe và tu trì) Đà-la-ni làm y chỉ của trí này, lấy định làm minh, lấy trí làm diệm (lửa sáng rực), cho nên gọi là minh diệm. Lại nữa, giải thích định làm trí căn cho nên gọi là y chỉ, trí làm định căn cho nên cũng gọi là y chỉ. Lại nữa, địa này là trí tuệ chiếu sáng vô lượng, là y chỉ của vô lượng Tam-ma-đề văn trì (nghe và tu trì) Đà-la-ni, cho nên gọi là minh diệm.

**Luận nói:** Tại sao địa thứ tư gọi là thiêu nhiên? Vì pháp trợ Bồ-đề có thể tiêu diệt tất cả chướng.

**Giải thích:** Bồ-tát trong địa này, hằng trụ pháp trợ đạo cho nên gọi là nhiên, do trụ pháp này mà đốt cháy hết mê hoặc lớn, nhỏ, nên gọi là thiêu, cho nên gọi là thiêu nhiên. Lại nữa, lửa đạo rất mạnh mẽ, có thể thiêu cháy củi mê hoặc, cho nên gọi là thiêu nhiên.

**Luận nói:** Tại sao địa thứ năm gọi là nan thắng? Vì chân trí và

tục trí trái nghịch lẫn nhau, có thể tập hợp các pháp khó hợp khiến cho tương ứng.

**Giải thích:** Chân trí thì vô phân biệt, tục trí thì như nêu rõ công xảo... Là có phân biệt. Phân biệt và vô phân biệt, hai thứ này trái nghịch lẫn nhau, hợp lại khiến cho tương ứng thì sự này là khó. Bồ-tát trong địa này có thể khiến cho tương ứng, cho nên gọi là Nan thắng.

**Luận nói:** Tại sao địa thứ sáu gọi là Hiện tiền? Vì biết rõ y chỉ của mười hai duyên sinh, nên có thể khiến cho Bát-nhã Ba-la-mật trụ Hiện tiền.

**Giải thích:** Bồ-tát trong địa này trụ vào pháp quán mười hai duyên sinh. Do lực của mười hai duyên sinh mà đắc vô phân biệt trụ. Vô phân biệt trụ tức là Bát-nhã Ba-la-mật. Bát-nhã Ba-la-mật này hằng trụ rõ ràng, cho nên gọi là hiện tiền.

**Luận nói:** Tại sao địa thứ bảy gọi là viễn hành? Vì đến mé cuối cùng của hạnh công dụng.

**Giải thích:** Bồ-tát trong địa này, khởi công dụng tâm tu hành đã xong, tư lương rốt ráo tất cả tướng đều quyết định rõ ràng. Tư lương này do công dụng mà được thành, trụ tại mé cuối cùng trong gia hạnh công dụng tâm, cho nên gọi là viễn hành. Lại nữa, không có gián đoạn thiếu khuyết tư duy các pháp tướng, lâu dài nhập tâm tu hành, cùng với địa thanh tịnh lân cận tiếp nhau cho nên gọi là Viễn hành.

**Luận nói:** Tại sao địa thứ tám gọi là Bất động? Vì tất cả tướng và công dụng của tác ý không thể dao động.

**Giải thích:** Đối với vô tướng và tất cả tướng khởi công dụng tâm và hoặc không có thể dao động. Bồ-tát đối với địa này có hai cảnh: 1. Chân cảnh. 2. Tục cảnh. Chân cảnh gọi là vô tướng. Bồ-tát trụ cảnh này, thì tất cả tướng và công dụng không thể chuyển động. Tục cảnh gọi là tất cả tướng, tức là sự lợi ích chúng sinh. Bồ-tát trụ cảnh này thì tất cả hoặc không thể nhiễm ô. Tâm Bồ-tát do hai nghĩa này cho nên gọi là bất động. Lại nữa, tất cả tướng, tất cả các pháp và tất cả công dụng, không thể chuyển động tâm vô phân biệt của Bồ-tát. Tại sao vậy? Vì tâm vô phân biệt này tự nhiên tương tục hằng lưu chuyển cho nên gọi là bất động.

**Luận nói:** Tại sao địa thứ chín gọi là Thiện Tuệ? Vì biết y chỉ pháp thù thắng vô ngại.

**Giải thích:** Bồ-tát trong địa này, chỗ đắc tứ biện là tuệ, tuệ này viên mãn không thoái chuyển, không cấu nhiễm gọi là thiện, do đó gọi là Thiện Tuệ. Lại nữa, Bồ-tát trong địa này có thể nói đầy đủ tất cả các

pháp. Do đặc vô thất quảng đại trí tuệ, vì có công năng này cho nên gọi là Thiện Tuệ.

**Luận nói:** Tại sao địa thứ mười gọi là Pháp vân ? Vì duyên chung cảnh mà biết tất cả pháp. Nhất thiết Đà-la-ni môn và Tam-ma-đề môn làm tạng cho nên thí dụ như mây, có thể che khuất thô chướng như hư không, có thể làm viên mãn pháp thân.

**Giải thích:** Bồ-tát trong địa này đặc trí như vậy, có thể duyên tất cả các pháp chung làm một cảnh, trí này có công năng thù thắng. Thí dụ như mây có ba nghĩa: 1. Năng tạng. 2. Năng phú. 3. Năng ích. Như tịnh thủy trong mây làm chỗ hàm chứa trong mây, tức là nghĩa năng tạng. Trí này cũng như thế, Đà-la-ni môn và Tam-ma-đề môn như tịnh thủy trong trí này, làm chỗ hàm chứa trong trí này, cho nên có nghĩa năng tạng. Mây có thể che một phần hư không, trí này cũng vậy, có thể che khuất tất cả hoặc chướng thô to, làm năng đối trị, làm diệt đạo của tự địa, làm bất sinh đạo của các địa khác. Lại nữa, như mây có thể đầy khắp hư không, trí này cũng vậy, có thể làm viên mãn chuyển y pháp thân của Bồ-tát. Do hai ý này cho nên có nghĩa là năng phú. Bồ-tát do có trí này, như vầng mây lớn đối với tất cả chúng sinh, tùy căn tùy tánh thường mưa pháp vũ, có thể trừ khử phiền não nóng bức của chúng sinh, có thể thoát khỏi tam chướng trần cấu, có thể sinh trưởng thiện chủng ba thừa của chúng sinh, cho nên có nghĩa năng ích. Pháp làm đề mục cho trí này, là lấy mây thí dụ cho trí, cho nên gọi là pháp vân. Gọi chung địa có bốn nghĩa: 1. Trụ nghĩa. 2. Xứ nghĩa. 3. Nhiếp nghĩa. 4. Trị nghĩa. Là mười một trụ vị của vô lưu thắng trí, lấy trụ làm nghĩa, là thọ dụng an lạc trụ trong hiện đời, vì thành tựu Phật pháp, vì thành thực chúng sinh xứ, cho nên lấy xứ làm nghĩa. Vì tổng nhiếp tất cả phước đức trí tuệ, cho nên lấy nhiếp làm nghĩa, có thể đối trị hoặc và lưu chuyển, cho nên lấy trị làm nghĩa.

-----

### CHƯƠNG 3: ĐẮC TƯỚNG

**Luận nói:** Tại sao phải biết tướng đắc các địa?

**Giải thích:** Nếu Bồ-tát đắc thật tướng do đã đắc của hoan hỷ địa, thì tướng này có thể phát khởi tự tình tấn tâm của Bồ-tát, có thể sinh tâm tin ưa của chúng sinh, có thể khiến cho Bồ-tát lìa tâm tăng thượng mạn. Cần phải nói chỗ đắc tướng của địa, cho nên hỏi làm sao phải biết!

**Luận nói:** Do bốn thứ tướng.

**Giải thích:** Trong bốn thứ tướng, tùy một tướng hiển hiện, thì nghiệm biết người này đã nhập Bồ-tát địa. Tại sao vậy? Vì bốn tướng này là người lìa đấng địa, đối với các vị khác thì không có.

**Luận nói:** 1. Do đã đắc tướng tín ưa, đối với mỗi mỗi địa quyết định sinh tin ưa.

**Giải thích:** Có năm thứ tin ưa, như luận Địa Trì nói: 1. Không phóng dật. 2. Chúng sinh gặp khổ nạn không chỗ cứu không chỗ nương, vì cứu tế mà làm chỗ y chỉ cho họ. 3. Đối với Tam bảo khởi tâm tuyệt đối tôn trọng, cùng tận các thứ cúng dường. 4. Biết mọi sai lầm, không một niệm che giấu, liền đều phát lộ. 5. Trong tất cả sự và tư, tu, trước hết phát Bồ-đề tâm. Trong năm tướng này, tùy một tướng hiển hiện thì liền nghiệm biết đã nhập Bồ-tát địa, ví như người Tu-đà-hoàn đắc bốn pháp tín bất hoại. Tại sao vậy? Vì năm tướng này là pháp hành mà Bồ-tát thường hành, cho nên có khả năng làm rõ Bồ-tát đã nhập tướng của địa.

**Luận nói:** 2. Do đã đắc hành tướng, đắc cùng với địa tương ứng mười pháp chánh hạnh.

**Giải thích:** Nếu Bồ-tát tu hành mười địa, thì không ra ngoài mười chánh hạnh này. Mười chánh hạnh này là y chỉ của mười địa. Mười pháp chánh hạnh như Luận Thập Thất Địa nói: Chư Bồ-tát trong Đại thừa, vì thành thực chúng sinh mà có mười thứ thiện pháp chánh hạnh, cùng với Đại thừa tương ứng. Là chỗ nhiếp của Bồ-tát tạng trong mười hai bộ Kinh Phương đẳng. Những gì là mười? 1. Thư trì. 2. Cúng dường. 3. Thí tha. 4. Nếu người khác có chánh thuyết thì cung kính nghe nhận. 5. Tự độc. 6. Dạy người khác khiến họ chứng đắc. 7. Nhất tâm tập tụng như những điều nói. 8. Vị tha mà rộng giải thích như lý. 9. Một mình ở nơi yên tĩnh chánh tư duy chọn lựa xứng với lượng. 10. Do tu tướng nhập ý. Mười thứ chánh hạnh như vậy, có bao nhiêu là đạo đại phước đức, bao nhiêu là đạo gia hạnh, bao nhiêu là đạo tịnh chướng? Tất cả là

đạo đại phước đức. Chánh hạnh thứ chín là đạo gia hạnh. Chánh hạnh thứ mười là đạo tịnh chướng.

**Luận nói:** 3. Do đã đắc thông đạt tướng, trước hết đối với Sơ địa khi thông đạt chân như pháp giới, thì đều có thể thông đạt tất cả địa.

**Giải thích:** Do tứ, tâm, tư và tứ như thật trí, mà chỗ đắc các địa của chân như không khác nhau.

**Luận nói:** 4. Do đã đắc thành tựu tướng, thì mười địa này đều đã đến rốt ráo tu hành.

**Giải thích:** Thành tựu tâm có bốn thứ, sở duyên cảnh cũng có bốn thứ, Bồ-tát trong nguyện lạc địa khéo tăng trưởng thiện căn, đã nương vào Bồ-đề đạo xa lìa nhị chấp, là tâm của Bồ-tát duyên bốn thứ cảnh mà khởi. Những gì là bốn? 1. Duyên Bồ-đề tư lương của đời vị lai, nhanh chóng viên mãn. 2. Duyên khởi sự lợi ích chúng sinh viên mãn. 3. Duyên quả Vô thượng Bồ-đề. 4. Duyên cụ tướng và phật sự viên mãn như Lai. Duyên bốn cảnh này thì liền có bốn tâm: 1. Tinh tấn tâm. 2. Đại bi tâm. 3. Thiện nguyện tâm. 4. Thiện hạnh tâm.

-----